

Bản án số: 90/2023/HS-ST  
Ngày 03-8-2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Anh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lý Thị Nhân.

2. Bà Lê Thị Thảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại Phòng xét xử Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 68/2023/TLST-HS, ngày 16 tháng 6 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-HS, ngày 13/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/HSST-QĐ, ngày 25/7/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN VĂN D**, sinh ngày 14 tháng 7 năm 1989, tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 01, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở: Thôn 06, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Giới tính: Nam; Dân tộc: Cao lan; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12;  
Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Trần Xuân N (đã chết) và bà Vũ Thị S, sinh năm 1958;

Anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ hai;

Vợ: Phạm Thị Hương G, sinh năm 1997;

Con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* 1. Anh **Trần Minh H**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn 01, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

2. Chị **Lục Vương Đ**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn 01, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (chị Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

3. Anh **Tường Duy T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 05, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang- Vắng mặt (anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 10/2021 đến tháng 10/2022, TRẦN VĂN D, đăng ký HKTT tại thôn 01, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, nơi ở hiện tại xóm 06, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, sử dụng số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nhiều lần cho Trần Minh H, cư trú tại thôn 01, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, vay tiền với lãi suất cao 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,50%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/01 năm), mục đích để thu lợi nhuận cho bản thân.

Hình thức cho vay là khi vay tiền, Trần Minh H sẽ phải trả một khoản tiền lãi cố định theo ngày, một tháng tính tròn là 30 ngày cho đến khi trả được hết số tiền gốc đã vay. H phải viết giấy với nội dung vay một khoản tiền cụ thể, không ghi lãi suất. Việc giao, nhận tiền là đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 01/10/2021, D cho H vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng là 1.500.000 đồng. Thực tế D chỉ đưa cho Hiếu 8.000.000 đồng, giữ lại 2.000.000 đồng gọi là phí cho vay. Từ ngày 01/10/2021 đến 01/12/2021, H trả cho D tổng số tiền lãi của 02 tháng là 3.000.000 đồng (lãi của 60 ngày) tương ứng với lãi suất 182,50%/năm, gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 (*sau đây gọi là số tiền lãi hợp pháp*), trong đó: Số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng + số tiền 2.000.000 đồng tiền phí vay, tổng cộng là 4.671.233 đồng. H chưa trả tiền gốc 10.000.000 đồng cho D.

Lần 2: Ngày 03/12/2022, D cho Hiếu vay thêm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), cộng với khoản vay 10.000.000 đồng ngày 01/10/2021, D yêu cầu H viết giấy vay tiền với số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng. Thực tế D chỉ đưa cho H 8.000.000 đồng, giữ lại 2.000.000 đồng gọi là phí cho vay.

Từ ngày 03/12/2021 đến ngày 03/6/2022, H trả cho D tổng số tiền lãi là 18.000.000 đồng (lãi của 06 tháng là 180 ngày) tương ứng với lãi suất 182,50%/năm, gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: Số tiền lãi hợp pháp là 1.972.603 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 16.027.397 đồng + số tiền 2.000.000 đồng phí cho vay, tổng số là 18.027.397 đồng. H chưa trả tiền gốc 20.000.000 đồng cho D.

Lần 3: Ngày 13/6/2022, D tiếp tục cho H vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), với điều kiện là cộng số tiền 20.000.000 đồng khoản vay ngày 03/12/2021 thành khoản vay mới là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), D yêu cầu H viết giấy vay tiền là 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng. Tuy nhiên D chỉ đưa cho Hiếu số tiền 7.000.000 đồng, giữ lại 3.000.000

đồng, gồm: số tiền 2.000.000 đồng là tiền phí cho vay và 1.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng (khoản H vay ngày 03/12/2021) là 10 ngày từ ngày 03/6/2022 đến 13/6/2022, trong đó: Số tiền lãi hợp pháp là 109.589 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 890.411 đồng.

Từ ngày 13/6/2022 đến ngày 13/10/2022, H trả cho D tổng số tiền lãi là 18.000.000 đồng (lãi của 04 tháng là 120 ngày) tương ứng với lãi suất 182,50%/năm, gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: Số tiền lãi hợp pháp là 1.972.603 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 16.027.397 đồng + số tiền 2.000.000 đồng phí cho vay, tổng số là 18.027.397 đồng. H trả tiền gốc 10.000.000 đồng, hiện còn nợ lại D 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 9/2022, D thỏa thuận với Tường Duy T, cư trú tại thôn 05, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, cùng đi thu tiền với D. D nói với T là cho Trần Minh H vay tiền, khi D đến nhà H thu tiền thì T đi cùng, mỗi lần đi D sẽ trả cho T 500.000 đồng, T đồng ý. Vào các tháng 6, 7, 8, 9 năm 2022, T tham gia cùng D thu tiền và được trả công 500.000 đồng/lượt, tổng số tiền T được D trả cho các lần đi thu tiền lãi của H là 2.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền D cho H vay là 30.000.000 đồng. Số tiền lãi H trả cho D là 40.000.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 4.383.562 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 35.616.438 đồng + số tiền 6.000.000 đồng phí cho vay trái với quy định, tổng số là 41.616.438 đồng.

Vật chứng trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành thu giữ:

- 01 giấy vay tiền viết bằng tay, mực màu đen trên một tờ giấy kẻ ngang, đề ngày 01/10/2021, đứng tên người viết Trần Minh H, sinh ngày 22/02/1992, địa chỉ tại thôn 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, có chữ ký và tên người cùng viết là Lục Vương Đ.

- 01 giấy vay tiền viết bằng tay, mực màu đen trên một tờ giấy kẻ ngang, đề ngày 03/12/2021, đứng tên người viết Trần Minh H, sinh ngày 22/02/1992 có chữ ký và tên người chứng kiến là Lục Vương Đ.

- 01 giấy vay tiền viết bằng tay, mực màu xanh trên một tờ giấy kẻ ngang, đề ngày 13/6/2022, đứng tên người viết Trần Minh H, sinh ngày 22/02/1992 có chữ ký và tên người chứng kiến là Lục Vương Đ.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 070880459, mang tên Trần Minh H, do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 12/01/2015.

Về xử lý vật chứng: - Tại Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tại liệu số 28/QĐ, ngày 26/5/2023 của Công an thành phố T trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Trần Minh H, cư trú tại thôn 01, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, 01 Giấy chứng minh nhân dân số 070880459, mang tên Trần Minh H, do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 12/01/2015.

- Các vật chứng còn lại được lưu trong hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh H yêu cầu TRẦN VĂN D trả lại số tiền lãi và số tiền thu phí cho vay trái với quy định của pháp luật là 41.616.438 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra yêu cầu TRẦN VĂN D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tường Duy T nộp lại số tiền bất chính và số tiền gốc đã thu về. Yêu

cầu Trần Minh H nộp lại số tiền gốc chưa trả cho TRẦN VĂN D, nhưng Dũng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hiếu, T chưa nộp lại tiền theo yêu cầu.

Tại Cơ quan điều tra, TRẦN VĂN D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, hành vi phạm tội của Dũng còn được chứng minh bằng: Tài liệu sao kê tài khoản tại ngân hàng; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 77/CT-VKSTP, ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố TRẦN VĂN D về tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo D tiếp tục khai nhận hành vi cho người khác vay tiền với mức lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình với mục đích để thu lợi bất chính cho bản thân. Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố bị cáo là đúng tội, không oan.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự bị cáo D có ý kiến: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh H yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền lãi và số tiền thu phí cho vay trái với quy định của pháp luật thì bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Minh H trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa: Do có nhu cầu vay tiền nên từ ngày 01/10/2021, đến ngày 13/6/2022 tôi có vay 03 lần tiền của TRẦN VĂN D bằng tổng số tiền gốc là 30.000.000 đồng với mức lãi là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Tính đến ngày 13/10/2022 số tiền lãi tôi đã trả cho D là 40.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 4.383.562 đồng; tiền lãi cao D thu lợi bất chính của tôi là 35.616.438 đồng + số tiền 6.000.000 đồng phí cho vay trái với quy định, tổng số là 41.616.438 đồng, đến nay tôi đã trả Dũng tiền gốc là 10.000.000 đồng, hiện còn nợ lại D 20.000.000 đồng tiền gốc. Về trách nhiệm dân sự tôi yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả lại tôi số tiền lãi và số tiền thu phí cho vay trái với quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lục Vương Đ trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án: Tôi là vợ anh Trần Minh H, ở thôn 01, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Tôi có biết do cần tiền sinh hoạt nên anh H chồng tôi có đến gặp TRẦN VĂN D để vay tiền tổng cộng 03 lần bằng tổng số tiền gốc là 30.000.000 đồng, với mức lãi là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Số tiền lãi anh H đã trả cho D là 40.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 4.383.562 đồng; tiền lãi nặng D thu lợi bất chính của anh H là 35.616.438 đồng + số tiền 6.000.000 đồng phí cho vay trái với quy định, tổng cộng là 41.616.438 đồng. Do là vợ chồng, nên khi D chuyển tiền vay cho anh H, anh H trả tiền lãi, tiền gốc cho D thì anh H và Dũng có dùng tài khoản ví điện tử Momo của tôi để chuyển tiền vào tài khoản mở tại Ngân hàng Vietinbank. Tôi được biết anh H đã trả lãi cho Dũng là 41.616.438 đồng tiền lãi và phí trái quy định; anh H đến nay đã trả Dũng tiền gốc là 10.000.000 đồng, hiện còn nợ lại D 20.000.000 đồng tiền gốc, đề nghị giải quyết buộc bị cáo D trả lại anh H tiền thu lãi cao và thu phí trái quy định. Tôi không có ý kiến, đề nghị giải quyết nội dung gì về việc chuyển tiền hộ hai bên như trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tường Duy T trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án: Tôi và TRẦN VĂN D, ở thôn 01, xã Đ, huyện Y,

tỉnh Tuyên Quang, trước đây có làm chung xưởng chế biến gỗ nên quen biết nhau. Khoảng giữa tháng 6/2022, D có nói với tôi là anh Trần Minh H, ở thôn 01, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, có vay tiền của D, khi nào cần đòi tiền thì Dũng nhờ tôi đi đòi tiền cùng, mỗi lần đi Dũng sẽ trả cho tôi 500.000 đồng, tôi đồng ý. Vào các tháng 6, 7, 8, 9/2022, tôi đã tham gia cùng Dũng đi thu tiền của Hiếu và được Dũng trả tiền công 500.000 đồng/lượt, tổng số tiền tôi được Dũng trả cho các lần đi thu tiền lãi của Hiếu là 2.000.000 đồng. Còn lại một số lần tôi đi cùng D đến nhà anh H để đòi tiền, nhưng không được, nên D không trả tiền công cho tôi.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo TRẦN VĂN D và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về Điều luật áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo TRẦN VĂN D phạm tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*.

- Xử phạt bị cáo TRẦN VĂN D từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ.

Phạt tiền từ 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) đến 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo do bị cáo không có công việc ổn định.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự:

+ Buộc bị cáo TRẦN VĂN D có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Trần Minh H số tiền là 39.616.438 đồng tiền lãi thu lợi bất chính tiền phí cho vay trái với quy định của pháp luật.

+ Buộc anh Tường Duy T có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Trần Minh H số tiền là 2.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính (T được D trả cho mỗi lần đi thu tiền lãi của H).

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự. Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Truy thu của bị cáo TRẦN VĂN D số tiền gốc 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Truy thu của của anh Trần Minh H số tiền gốc 20.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước (do anh H chưa trả cho bị cáo D số tiền này).

+ Truy thu của bị cáo TRẦN VĂN D để sung vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 4.383.562 đồng.

+ Tịch thu lưu hồ sơ: 01 giấy vay tiền viết bằng tay, mực màu đen trên một tờ giấy kẻ ngang, đề ngày 01/10/2021, đứng tên người viết Trần Minh H, sinh ngày 22/02/1992, địa chỉ tại thôn 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang có chữ ký và tên người cùng viết là Lục Vương Đ; 01 giấy vay tiền viết bằng tay, mực màu đen trên một tờ giấy kẻ ngang, đề ngày 03/12/2021, đứng tên người viết Trần Minh H, sinh ngày 22/02/1992 có chữ ký và tên người chứng kiến là Lục Vương Đ; 01 giấy vay tiền viết bằng tay, mực màu xanh trên một tờ giấy kẻ ngang, đề ngày 13/6/2022, đứng tên người viết Trần Minh H, sinh ngày 22/02/1992 có chữ ký và tên người chứng kiến là Lục Vương Đ.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị cáo D phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo D nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo TRẦN VĂN D tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; phù hợp với vật chứng đã thu giữ; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 10/2021 đến tháng 10/2022, TRẦN VĂN D, đăng ký HKTT tại thôn 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, nơi ở hiện tại xóm 6, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, sử dụng số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nhiều lần cho Trần Minh H, cư trú tại thôn 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vay với lãi suất cao 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,50%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/ 01 năm); tổng số tiền lãi thu được là 40.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 4.383.562 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 35.616.438 đồng và số tiền phí bất hợp pháp là 6.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo TRẦN VĂN D là 35.616.438 đồng và tiền phí thu bất hợp pháp là 6.000.000 đồng, tổng cộng là 41.616.438 đồng. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, truy tố TRẦN VĂN D về tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự* theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo TRẦN VĂN D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy bị cáo D được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về vai trò của bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo TRẦN VĂN D một mình thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình đã gây ra.

[6] Mức án xử phạt: Xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà cho bị cáo được cải tạo giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương của bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe. Do vậy, xử phạt bị cáo D mức án như Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo D phạm tội vì mục đích vụ lợi cho bản thân, nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để sung vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo D không có công việc và thu nhập ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo D theo quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy bị cáo D đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lời bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hiếu với tổng số tiền là 41.616.438 đồng do thu lãi vượt quá quy định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H yêu cầu bị cáo hoàn trả lại, nên có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Trần Văn H tổng số tiền thu lời bất chính mà bị cáo thực tế đã thu là 39.616.438 đồng là tiền thu lợi bất hợp pháp và tiền phí cho vay trái với quy định của pháp luật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tường Duy T có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Trần Văn H 2.000.000 đồng tiền thu lời bất chính do bị cáo D trả tiền cho anh T khi đi đòi nợ anh H.

Khoản tiền phải hoàn trả lại trên, nếu chậm thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[9] Về biện pháp tư pháp: - Xét thấy bị cáo D đã sử dụng 30.000.000 đồng tiền gốc ban đầu quay vòng để cho anh H vay và đã thu được tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) mà thực tế bị cáo đã thu của anh H tiền lãi của người vay là 39.616.438 đồng (trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là 35.616.438 đồng và 6.000.000 đồng tiền phí cho vay trái với quy định của pháp luật); Do anh T được bị cáo D trả 2.000.000 đồng tiền thu lời bất chính trong tổng số tiền lãi thu được khi đi đòi nợ anh H đến nay bị cáo D và anh T chưa giao nộp khoản tiền này cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên truy thu để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh H đã vay lãi nặng của bị cáo TRẦN VĂN D với mức lãi suất cao gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất (20%/01 năm) quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nhưng anh H chưa trả lại cho bị cáo D 20.000.000 đồng tiền gốc, xét thấy đây là tiền dùng vào việc phạm tội, nên truy thu của anh H để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Xét thấy 01 giấy vay tiền viết bằng tay, mực màu đen trên một tờ giấy kẻ ngang, đề ngày 01/10/2021, đứng tên người viết Trần Minh H, sinh ngày 22/02/1992, địa chỉ tại thôn 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang có chữ ký và tên người cùng viết là Lục Vương

Đ; 01 giấy vay tiền viết bằng tay, mực màu đen trên một tờ giấy kẻ ngang, đề ngày 03/12/2021, đứng tên người viết Trần Minh H, sinh ngày 22/02/1992 có chữ ký và tên người chứng kiến là Lục Vương Đ; 01 giấy vay tiền viết bằng tay, mực màu xanh trên một tờ giấy kẻ ngang, đề ngày 13/6/2022, đứng tên người viết Trần Minh H, sinh ngày 22/02/1992 có chữ ký và tên người chứng kiến là Lục Vương Đ, đây là những giấy tờ, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên tịch thu lưu hồ sơ theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với Tường Duy T trong vụ án có hành vi giúp sức là cùng Dũng đi thu tiền lãi của anh H và được trả tiền công là 500.000 đồng/lần; hành vi này của Tuân không cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nên không đề cập xử lý trong vụ án này là có căn cứ pháp luật.

[11] Đối với Chu Quang C, cư trú tại tổ 10, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang thực hiện giao dịch tài khoản chuyển tiền qua ngân hàng cho TRẦN VĂN D, nhưng việc chuyển tiền đó là tiền C và D cùng góp vốn mở xưởng gỗ, không liên quan đến hành vi phạm tội của D, nên không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[12] Đối với Bùi Vinh T, cư trú tại thôn 01, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, có tên trong tài liệu sao kê tài khoản giao dịch ngân hàng; một số lần chuyển tiền cho TRẦN VĂN D, nhưng số lần chuyển tiền đó là tiền T và D cùng góp vốn lập trang trại chăn nuôi gia súc, không liên quan đến hành vi phạm tội của D, nên không đề cập xử lý là có căn cứ pháp luật.

Bị cáo TRẦN VĂN D phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s, khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

*\* Tuyên bố:* Bị cáo **TRẦN VĂN D** phạm tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.*

*\* Xử phạt:* Bị cáo **TRẦN VĂN D** 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang nhận được quyết định thi hành án.

Phạt tiền bị cáo TRẦN VĂN D 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo TRẦN VĂN D.

*Giao bị cáo TRẦN VĂN D cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.*

*Trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ, nếu người bị kết án phạm tội mới thì thời gian cải tạo không giam giữ còn lại phải chấp hành kể từ thời điểm thực hiện hành vi phạm tội mới sẽ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày*



*cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù để tổng hợp thành hình phạt chung.*

*Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.*

**2.** Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

+ Buộc bị cáo TRẦN VĂN D có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Trần Minh H số tiền là 39.616.438 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba tám đồng).

+ Buộc anh Tường Duy T có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Trần Minh H số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

*Khoản tiền phải hoàn trả lại trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

**3.** Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự. Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Truy thu của bị cáo TRẦN VĂN D số tiền gốc 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của bị cáo TRẦN VĂN D để sung vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 4.383.562 đồng (Bốn triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu hai đồng).

- Truy thu của anh Trần Minh H số tiền gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu lưu hồ sơ: 01 giấy vay tiền viết bằng tay, mực màu đen trên một tờ giấy kẻ ngang, đề ngày 01/10/2021, đứng tên người viết Trần Minh H, sinh ngày 22/02/1992, địa chỉ tại thôn 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang có chữ ký và tên người cùng viết là Lục Vương Đ; 01 giấy vay tiền viết bằng tay, mực màu đen trên một tờ giấy kẻ ngang, đề ngày 03/12/2021, đứng tên người viết Trần Minh H, sinh ngày 22/02/1992 có chữ ký và tên người chứng kiến là Lục Vương Đ; 01 giấy vay tiền viết bằng tay, mực màu xanh trên một tờ giấy kẻ ngang, đề ngày 13/6/2022, đứng tên người viết Trần Minh H, sinh ngày 22/02/1992 có chữ ký và tên người chứng kiến là Lục Vương Đ.

**4.** Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo TRẦN VĂN D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**5.** Về quyền kháng cáo: - Bị cáo D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Anh H được quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình của bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Chị Đ và anh T được quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình của bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Công an TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã T;
- Bị cáo D;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hình sự TAND TP. Tuyên Quang;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Anh Tuấn**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Anh Tuấn**

